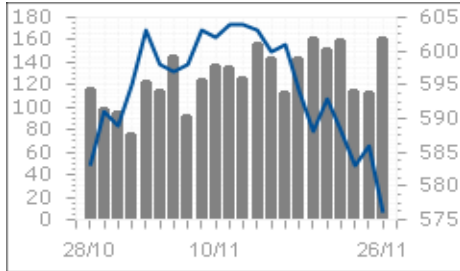


## HOSE 26/11/2014

VNINDEX	576.04	-9.87	-1.68%
KLGD	162,038,348	CP	
GTGD	3,028.19	Tỷ	
GTR NDTNN	-	37.93	Tỷ
CP Tăng giá	58	CP	
CP Giảm giá	173	CP	
CP Đứng giá	73	CP	

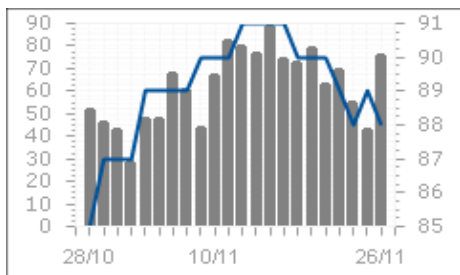


## Tâm điểm

- ▶ **Lực bán mạnh cổ phiếu Bluechips gây hiệu ứng xấu tới toàn thị trường chung**
- ▶ **Thị trường sụt giảm mạnh, khối lượng giao dịch gia tăng**  
NĐT Nước ngoài bán ròng trên HOSE và mua ròng nhẹ HNX
- ▶ **Niềm tin tiêu dùng của người Việt tăng vọt trong tháng 11**  
Ngân hàng ANZ công bố báo cáo niềm tin tiêu dùng Việt Nam trong tháng 11 DVO/ANZ
- ▶ **11 tháng, xuất khẩu thủy sản đạt 7,2 tỷ USD, tăng hơn 19% so với cùng kỳ**  
Số liệu công bố ngày 26/11 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Gafin
- ▶ **Nga cắt giảm sản lượng dầu để đối phó với giá dầu giảm mạnh**  
Tập đoàn dầu khí quốc gia Nga Rosneft thông báo sẽ cắt giảm sản lượng TTXVN
- ▶ **Masan khó mua được 49% cổ phần Cholimex Food**  
Cổ đông đang nắm giữ 60% cổ phần Cholimex Food không bán cổ phần DVO
- ▶ **OGC: Nợ vay cuối quý III chiếm hơn 71% vốn**  
Tổng nợ phải trả tăng thêm nhưng các khoản vay ngắn và dài hạn đều giảm Vietstock

## HNX 26/11/2014

HNXINDEX	87.54	-1.39	-1.57%
KLGD	76,756,713	CP	
GTGD	1,102.89	Tỷ	
GTR NDTNN	13.00	Tỷ	
CP Tăng giá	82	CP	
CP Giảm giá	125	CP	
CP Đứng giá	172	CP	



## Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	1,053,659	14.3	3.0	18.7%	10.0%
HNX	147,522	14.2	1.9	9.0%	4.4%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,201,181</b>	<b>14.7</b>	<b>2.9</b>	<b>18.7%</b>	<b>9.6%</b>

Theo ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,192	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	20,643	8.9	1.5	17.0%	10.6%
Khai khoáng	38,407	13.1	2.0	22.3%	10.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,563	90.2	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng	25,587	14.0	1.5	13.8%	7.6%
Máy công nghiệp	32,923	31.7	1.2	-0.5%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,551	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	11,100	8.8	1.5	18.4%	13.5%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,800	11.3	3.0	25.5%	11.1%
Thực phẩm	22,829	11.0	2.0	21.7%	7.4%
Dược phẩm	189,909	24.2	4.6	18.7%	14.5%
Phần mềm	15,798	12.6	2.8	22.4%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	17,231	10.3	2.2	21.7%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	28,588	9.9	1.4	15.6%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	193,385	15.8	5.1	32.4%	22.0%
Môi giới chứng khoán	25,382	20.2	2.1	10.4%	2.2%
Ngân hàng	28,390	12.1	1.6	11.2%	7.7%
Bất động sản	236,271	11.2	1.2	10.3%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	171,127	16.8	2.8	18.6%	4.7%
	46,165	10.4	2.2	21.9%	9.2%

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	616.48	-6.75	-1.08%
HNX30	175.26	-4.83	-2.68%

## VietinBankSc

306 Ba Trieu  
Hai Ba Trung  
Hanoi  
Vietnam  
Tel: (844) 3974 7952  
Fax: (844) 3974 1760  
www.vietinbanksc.com.vn

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**Niềm tin tiêu dùng của người Việt tăng vọt trong tháng 11**

**11 tháng, xuất khẩu thủy sản đạt 7,2 tỷ USD, tăng hơn 19% so với cùng kỳ**

**Nga cắt giảm sản lượng dầu để đối phó với giá dầu giảm mạnh**

Trịnh Thị Thu Phương

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**Masan khó mua được 49% cổ phần Cholimex Food**

**OGC: Nợ vay cuối quý III chiếm hơn 71% vốn**

**Chiếu xạ An Phú sẽ sáp nhập với đối thủ**

## ► Tin kinh tế

Ngân hàng ANZ vừa công bố báo cáo về niềm tin tiêu dùng của người Việt Nam trong tháng 11. Theo đó, chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam ANZ-Roy Morgan đã tăng lên 140,9 điểm (tăng 6,2 điểm) trong tháng 11, cao hơn nhiều so với mức trung bình 133 điểm của năm 2014 (tính từ đầu năm). Chỉ số niềm tin người tiêu dùng tăng mạnh chủ yếu là do sự tự tin về tình hình kinh tế Việt Nam trong 12 tháng và 5 năm tới. Việc niềm tin người tiêu dùng tăng dựa trên giá nhiên liệu giảm rõ ràng cho thấy hiệu quả của chính sách nhà nước trong việc hỗ trợ đẩy mạnh nền kinh tế Việt Nam.

Số liệu công bố ngày 26/11 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho thấy xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng 11/2014 ước đạt 666 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu 11 tháng đầu năm lên 7,22 tỷ USD, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm 2013. Mỹ vẫn duy trì vị trí là thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam. Xuất khẩu sang thị trường này 10 tháng đầu năm đạt 1,43 tỷ USD, tăng gần 20% so với cùng kỳ năm 2013 và chiếm 21,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của cả nước. Xuất khẩu thủy sản sang hầu hết các thị trường lớn khác trong 10 tháng cũng tăng như Nhật Bản tăng 8,5%, Hàn Quốc tăng 37,5%, Trung Quốc tăng 16,2%, Canada tăng 52%.

Theo AFP, Tập đoàn dầu khí quốc gia Nga Rosneft ngày 25/11 thông báo tập đoàn khổng lồ này đã cắt giảm sản lượng dầu 25.000 thùng/ngày do "các điều kiện thị trường" trong bối cảnh giá dầu thô sụt giảm gần 1/3 kể từ tháng Sáu tới nay. Trong một tuyên bố sau cuộc đàm phán tại Vienna (Áo) với các đại diện đến từ Mexico và 2 nước thành viên Tổ chức các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC) là Venezuela và Saudi Arabia, Giám đốc tập đoàn Rosneft, Igor Sechin cho rằng việc cắt giảm sản lượng "liên quan tới việc tăng hiệu quả sản xuất và nâng cao hiệu quả cho các cổ đông của công ty, đồng thời cũng liên quan tới các điều kiện thị trường."

## ► Tin doanh nghiệp

Hai cổ đông chủ chốt đang nắm giữ 60% cổ phần của Cholimex Food đã ra thông cáo chung khẳng định 2 tổ chức này sẽ không bán, dù một phần hay toàn bộ số cổ phiếu Cholimex Food đang nắm giữ cho Masan Food. Ngày 22/11, Cholimex Food đã có văn bản phản hồi về Đề nghị chào mua công khai cổ phiếu của Masan Food với nội dung ngắn gọn: "... Hội đồng quản trị [Cholimex Food] đề nghị Công ty TNHH MTV Thực phẩm Ma San thực hiện việc chào mua công khai cổ phiếu của công ty theo đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán. Về phía Masan Food, doanh nghiệp này có quyền hủy bỏ đợt chào mua công khai này nếu như lượng đăng ký bán thấp hơn lượng dự kiến mua."

Về tình hình tài chính, tổng tài sản của OGC đã tăng tới 28,8%, từ 11.424 tỷ đồng lên 14.713 tỷ đồng. Quá nửa tài sản của OGC nằm ở các khoản phải thu ngắn và dài hạn (7.800 tỷ đồng); tăng 2.000 tỷ đồng so với đầu năm. Đến cuối quý 3/2014, giá trị của khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng đặt cọc mua chứng khoán của CTCP Chứng khoán Đại Dương (OCS) đạt 826 tỷ đồng. Ghi nhận tại các thời điểm cuối quý, khoản phải thu với OCS đều trên 300 tỷ đồng. Về cơ cấu nguồn vốn, OGC đã tăng sử dụng đòn bẩy tài chính so với đầu năm. Tỷ lệ nợ vay đến cuối quý đạt 71,4% trong khi đầu năm tỷ lệ nợ vay của OGC chỉ là 64,5%. Mặc dù, tổng nợ phải trả tăng thêm 3.128 tỷ đồng so với đầu kỳ nhưng các khoản vay ngắn và dài hạn đều giảm so với đầu năm, xuống còn 2.926 tỷ đồng.

Sáng 26/11, ĐHĐCĐ bất thường của CTCP Chiếu xạ An Phú (HOSE: APC) đã thông qua tờ trình lập phương án hợp nhất vào công ty đối thủ là Công ty TNHH Thái Sơn. Theo đó, hầu hết thành viên trong HĐQT và BKS hiện tại xin từ nhiệm. Hiện nay thị trường chiếu xạ được chi phối bởi 3 doanh nghiệp là APC, Thái Sơn và CTCP Sơn Sơn (Chủ tịch HĐQT là ông Trầm Bê). Trong đó APC có công suất và thị phần lớn nhất hơn 60%. Tuy nhiên, nếu hợp nhất APC và Thái Sơn thì sẽ chiếm trên 70% thị phần chiếu xạ toàn quốc và kiểm soát được giá trên thị trường.

**HOSE** 26/11/2014 VNINDEX 576.04 -9.87 -1.68% 162,038,348 CP 3,028.19 bil VND

### Lực bán mạnh cổ phiếu Bluechips gây hiệu ứng xấu tới toàn thị trường chung

VN-Index giảm 9.87 điểm (-1.68%), đóng cửa tại mức 576.04 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, VN-Index lại tiếp tục mất điểm rất mạnh ở phiên hôm nay.  
 - MACD tiếp tục sụt giảm rất mạnh. Đây là tín hiệu hết sức bi quan.  
 - Stochastic Oscillator vẫn đang duy trì ở vùng quá bán.  
 - RSI (14) sắp đi về vùng quá bán.  
 - VN-Index vẫn chưa dừng đà giảm, phiên hôm nay VN-Index tiếp tục sụt giảm về vùng FB 50%, ngưỡng hỗ trợ mạnh của VN-Index hiện tại là ngưỡng 560 - 565 điểm.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.6 (-4.9%)	29,037,420
VHG	-0.9 (-6.2%)	9,176,440
SSI	0.2 (0.7%)	9,059,490
ITA	-0.1 (-1.1%)	7,965,970
PVT	-0.7 (-3.9%)	4,659,380

### HOSE Top 5 theo % tăng

SBC	1.8 (6.9%)	28,050
DTL	0.5 (6.5%)	220
TMP	1.4 (5.5%)	5,160
LGC	1.4 (5.3%)	931,790
DRH	0.3 (5.0%)	1,642,510

### HOSE Top 5 theo % giảm

HAI	-18.9 (-46.7%)	1,148,660
TSC	-3.3 (-7.0%)	265,150
DTT	-0.7 (-6.9%)	420
TNC	-1 (-6.8%)	126,990
GTN	-1.3 (-6.6%)	2,167,660

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	17,9 tỷ	214,710
HVG	16,1 tỷ	513,810
SSI	14,4 tỷ	479,400
STB	9,3 tỷ	493,820
NTL	7,5 tỷ	458,000

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KDC	-49,3 tỷ	909,220
GAS	-42,4 tỷ	448,190
PVD	-42,0 tỷ	507,980
DPM	-15,8 tỷ	503,810
BVH	-2,9 tỷ	79,280

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HOSE	2,112,290	- 37.93

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT duy trì sự giằng co khá mạnh ở phiên sáng, giao dịch cầm chừng. Tuy nhiên, đầu phiên chiều, VN-Index nhanh chóng mất điểm rất mạnh và đà giảm lan rộng.
- ▶ KLGD gia tăng mạnh và đạt 152 triệu cổ phiếu. Việc VN-Index nhanh chóng mất điểm mạnh đã khiến cho lực thoát hàng bằng mọi giá diễn ra đồng loạt.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 37 tỷ. Đà bán ròng liên tục vẫn chưa dừng lại, tập trung nhiều ở các mã Bluechips, vì vậy rủi ro giảm điểm của VN-Index vẫn còn.
- ▶ Tâm lý NĐT vẫn đang khá yếu, vì vậy việc VN-Index mất điểm mạnh càng khiến cung cầu mất cân bằng hơn. VN-Index đang được hỗ trợ tốt vùng 560 điểm.
- ▶ NĐT chỉ nên xem xét mua trở lại khi thị trường tăng điểm tốt và thanh khoản gia tăng dần bởi rủi ro VN-Index mất điểm vẫn còn.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	94.0	178,130.00	16.2	5.3	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	100.0	100,011.86	17.2	5.5	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	27.0	71,955.55	16.0	1.7	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.4	70,400.47	18.4	3.9	21.1%	4.6%
MSN	735.8	82.5	60,704.17	- 477.2	4.2	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.1	52,500.00	9.7	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	12.8	35,983.39	8.2	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	53.5	25,782.09	8.4	2.3	30.2%	14.7%
PVD	303.0	83.0	25,152.06	10.9	2.4	22.6%	10.8%
BVH	680.5	36.5	24,837.21	20.2	2.1	10.4%	2.2%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

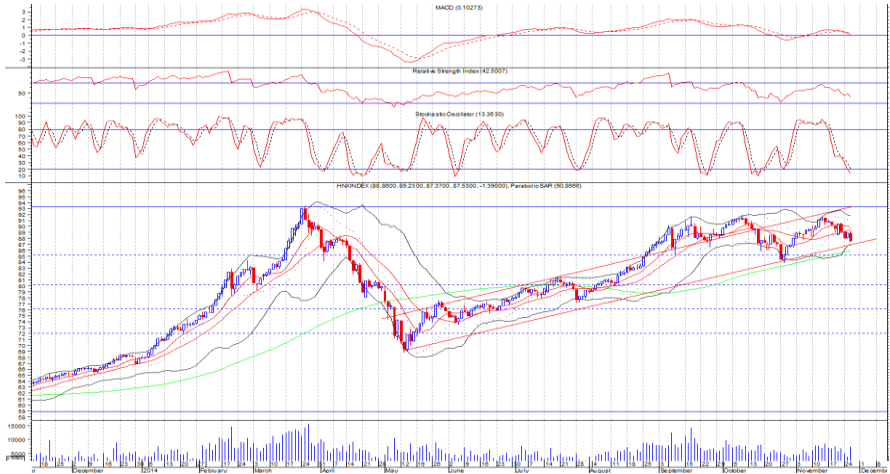
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	10.3	757.05	12.8	0.9	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.8	843.66	23.6	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	18.8	2,171.91	6.8	1.2	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.5	3,024.32	8.4	1.8	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.8	656.10	5.4	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.7	599.14	2.0	1.0	NA	TH.DOI

**HNX** 26/11/2014 HNX-Index 87.54 -1.39 -1.57% 76,756,713 CP 1,102.89 bil. VND

### Lực bán mạnh cổ phiếu Bluechips gây hiệu ứng xấu tới toàn thị trường chung

Chỉ số HNX-Index giảm 1.39 điểm (-1.57%), đóng cửa tại mốc 87.54 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến dài, HNX-Index tiếp tục mất điểm rất mạnh ở phiên hôm nay.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm và sắp đi sâu vào vùng quá bán.
- MACD sụt giảm mạnh và cắt đường tín hiệu zero - base, điều này cho thấy rủi ro VN-Index giảm điểm vẫn còn khá lớn.
- RSI (14) sụt giảm mạnh về mốc 42.
- HNX-Index đang hướng về vùng hỗ trợ mạnh 85 - 86 điểm.



### HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Đổi (%)	KLGD
KLF	-1.4 (-9.7%)	16,534,770
PVX	-0.1 (-1.6%)	7,637,370
SCR	0 (0.0%)	5,563,220
FIT	-2.9 (-9.7%)	5,447,000
HUT	0.1 (0.7%)	4,075,570

### HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá
S12	0.5 (10.0%)	66,400
SGC	3 (10.0%)	100
CSC	1.3 (9.9%)	2,920
L14	2.2 (9.9%)	69,630
ITQ	2.7 (9.7%)	165,380

### HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá
PHH	-0.7 (-10.0%)	51,400
PPE	-0.8 (-10.0%)	500
KLF	-1.4 (-9.7%)	16,534,770
FIT	-2.9 (-9.7%)	5,447,000
SDP	-1.2 (-9.6%)	216,300

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Giá	Đơn vị	Giá
SHB	14,7	tỷ	1,668,600
VCG	4,7	tỷ	357,700
SHS	2,3	tỷ	196,400
KLF	1,6	tỷ	124,400
PGS	0,6	tỷ	18,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Giá	Đơn vị	Giá
PVS	-12,1	tỷ	336,200
PLC	-0,3	tỷ	10,000
SCR	-0,2	tỷ	20,000
IVS	-0,2	tỷ	15,700
SD6	-0,1	tỷ	9,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	2,076,810	13.00

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Chỉ số HNX-Index giảm 1.39 điểm (-1.57%), đóng cửa tại mốc 87.54 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến dài, HNX-Index tiếp tục mất điểm rất mạnh ở phiên hôm nay.
- ▶ KLGD gia tăng mạnh và đạt 74 triệu cổ phiếu. Việc chỉ số Index nhanh chóng mất điểm mạnh đã khiến cho lực thoát hàng bằng mọi giá diễn ra đồng loạt.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại với giá trị 13 tỷ. Việc khối ngoại mua ròng trở lại sẽ hỗ trợ rất lớn cho thị trường trong giai đoạn hiện nay.
- ▶ Tâm lý NĐT vẫn đang khá yếu, vì vậy việc VN-Index mất điểm mạnh càng khiến cung cầu mất cân bằng hơn. HNX-Index đang được hỗ trợ tốt vùng 85 - 86 điểm.
- ▶ NĐT chỉ nên xem xét mua trở lại khi thị trường tăng điểm tốt và thanh khoản gia tăng dần bởi rủi ro HNX-Index mất điểm vẫn còn.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	35.9	16,036.55	10.2	1.9	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	25.9	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.7	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	13.0	5,742.24	8.6	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	18.2	4,097.88	12.9	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	51.5	2,901.47	7.9	2.3	23.4%	14.9%
VNR	131.1	21.5	2,818.13	8.8	1.1	12.8%	5.4%
LAS	77.8	31.4	2,443.92	6.8	1.9	25.6%	14.6%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	34.5	1,311.00	8.3	1.4	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.2	641.52	6.2	1.2	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.0	2,014.98	11.0	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	51.5	2,901.47	7.9	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	31.9	1,595.00	8.4	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	42.0	330.75	7.9	1.5	NA	TH.DOI



## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	15.22%	82.5	- 477.22	4.24	84,839	147,485	196,058
VIC	HOSE	1,454.6	70,400.47	12.53%	48.4	18.42	3.89	1,243,509	1,170,524	1,957,768
PVD	HOSE	303.0	25,152.06	11.71%	83.0	10.87	2.36	434,465	379,634	569,357
HPG	HOSE	481.9	25,782.09	11.57%	53.5	8.39	2.31	358,956	402,846	657,913
HAG	HOSE	789.9	19,115.56	7.45%	24.2	10.33	1.34	2,499,377	3,195,717	3,758,753
KDC	HOSE	255.2	13,778.70	7.00%	54.0	22.00	2.01	1,606,598	1,379,788	953,369
STB	HOSE	1,142.5	21,364.97	5.69%	18.7	8.77	1.21	231,570	278,615	410,735
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	5.16%	27.0	16.00	1.70	213,115	262,732	406,257
DPM	HOSE	379.9	10,980.10	4.04%	28.9	9.20	1.20	419,222	409,534	789,342
KBC	HOSE	389.8	6,353.09	2.83%	16.3	15.44	1.25	4,517,607	5,302,209	5,060,314
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.64%	8.7	51.81	0.80	6,341,232	5,499,767	7,212,360
HSG	HOSE	96.3	4,786.76	1.95%	49.7	11.69	2.02	129,989	181,847	332,751
BVH	HOSE	680.5	24,837.21	1.83%	36.5	20.19	2.12	200,148	216,586	256,864
HVG	HOSE	132.0	4,105.19	1.55%	31.1	14.08	1.70	1,356,953	1,535,758	1,953,745
FLC	HOSE	314.9	3,652.77	1.53%	11.6	7.16	1.01	24,504,182	18,394,027	16,451,398
PPC	HOSE	318.2	7,985.68	1.47%	25.1	10.88	1.47	157,501	249,106	525,940
DRC	HOSE	83.1	4,818.28	1.41%	58.0	14.42	3.48	39,745	53,175	141,601
PVT	HOSE	255.9	4,400.75	1.37%	17.2	15.51	1.50	2,270,530	2,004,739	2,298,010
CSM	HOSE	67.3	2,960.85	1.32%	44.0	8.52	2.34	96,722	95,326	211,688
VSH	HOSE	206.2	2,928.63	1.16%	14.2	20.28	1.10	353,800	435,779	599,029
OGC	HOSE	300.0	2,520.00	0.56%	8.4	14.97	0.79	6,477,494	6,016,031	5,475,037

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	8.46%	82.5	- 477.22	4.24	84,839	147,485	196,058
VIC	HOSE	1,454.6	70,400.47	7.72%	48.4	18.42	3.89	1,243,509	1,170,524	1,957,768
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	7.14%	27.0	16.00	1.70	213,115	262,732	406,257
STB	HOSE	1,142.5	21,364.97	6.63%	18.7	8.77	1.21	231,570	278,615	410,735
PVS	HNX	446.7	16,036.55	5.62%	35.9	10.17	1.94	1,428,999	1,548,450	3,240,750
BVH	HOSE	680.5	24,837.21	4.52%	36.5	20.19	2.12	200,148	216,586	256,864
DPM	HOSE	379.9	10,980.10	4.24%	28.9	9.20	1.20	419,222	409,534	789,342
HAG	HOSE	789.9	19,115.56	4.00%	24.2	10.33	1.34	2,499,377	3,195,717	3,758,753
PVD	HOSE	303.0	25,152.06	3.86%	83.0	10.87	2.36	434,465	379,634	569,357
PPC	HOSE	318.2	7,985.68	3.10%	25.1	10.88	1.47	157,501	249,106	525,940
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	3.19%	8.7	51.81	0.80	6,341,232	5,499,767	7,212,360
FLC	HOSE	314.9	3,652.77	2.90%	11.6	7.16	1.01	24,504,182	18,394,027	16,451,398
SHB	HNX	886.1	7,797.53	2.59%	8.8	9.74	0.76	2,584,711	2,423,874	4,551,313
VCG	HNX	441.7	5,742.24	2.08%	13.0	8.62	1.01	1,386,626	1,281,251	1,541,731
PVT	HOSE	255.9	4,400.75	1.76%	17.2	15.51	1.50	2,270,530	2,004,739	2,298,010
OGC	HOSE	300.0	2,520.00	1.50%	8.4	14.97	0.79	6,477,494	6,016,031	5,475,037
DRC	HOSE	83.1	4,818.28	1.02%	58.0	14.42	3.48	39,745	53,175	141,601
IJC	HOSE	274.2	3,591.95	0.64%	13.1	21.68	1.27	485,640	608,143	1,191,559
PVX	HNX	400.0	2,440.00	0.00%	6.1	- 2.71	2.69	6,011,096	5,359,900	8,450,293

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,400.47	0.00%	48.4	18.42	3.89	1,243,509	1,170,524	1,957,768
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	0.00%	82.5	- 477.22	4.24	84,839	147,485	196,058
DPM	HOSE	379.9	10,980.10	0.00%	28.9	9.20	1.20	419,222	409,534	789,342
HAG	HOSE	789.9	19,115.56	0.00%	24.2	10.33	1.34	2,499,377	3,195,717	3,758,753
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	0.00%	27.0	16.00	1.70	213,115	262,732	406,257
STB	HOSE	1,142.5	21,364.97	0.00%	18.7	8.77	1.21	231,570	278,615	410,735
BVH	HOSE	680.5	24,837.21	0.00%	36.5	20.19	2.12	200,148	216,586	256,864
CTG	HOSE	3,723.4	52,500.00	0.00%	14.1	9.67	0.96	106,488	240,958	314,365
GAS	HOSE	1,895.0	178,130.00	0.00%	94.0	16.19	5.28	283,949	285,385	379,962

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	4.01%	82.5	- 477.22	4.24	84,839	147,485	196,058
VIC	HOSE	1,454.6	70,400.47	2.27%	48.4	18.42	3.89	1,243,509	1,170,524	1,957,768
PVD	HOSE	303.0	25,152.06	4.39%	83.0	10.87	2.36	434,465	379,634	569,357
STB	HOSE	1,142.5	21,364.97	0.89%	18.7	8.77	1.21	231,570	278,615	410,735
VCB	HOSE	2,665.0	71,955.55	1.28%	27.0	16.00	1.70	213,115	262,732	406,257
BVH	HOSE	680.5	24,837.21	1.79%	36.5	20.19	2.12	200,148	216,586	256,864

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

26 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,192	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,643	8.9	1.5	17.0%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,958	15.6	1.0	5.6%	2.2%
Sản xuất giấy	896	6.6	1.0	14.1%	7.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,407	13.1	2.0	22.3%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,968	3.6	1.0	21.9%	5.2%
Khai khoáng	12,563	90.2	6.2	-4.1%	-3.4%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,587	14.0	1.5	13.8%	7.6%
Xây dựng	32,923	31.7	1.2	-0.5%	2.2%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,257	9.8	1.2	15.5%	7.7%
Công nghiệp phức hợp	1,173	7.7	1.2	16.7%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,496	8.1	1.0	12.0%	5.6%
Thiết bị điện	2,106	32.7	1.1	1.9%	0.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	55	18.0	0.7	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,551	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,758	3.5	1.1	5.4%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,100	8.8	1.5	18.4%	13.5%
Dịch vụ vận tải	6,968	7.6	1.6	22.7%	13.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	5,110	12.3	2.1	16.6%	11.2%
Đào tạo & Việc làm	270	14.0	0.8	6.6%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	198	9.0	0.9	12.4%	5.0%
Chất thải & Môi trường	202	3.1	0.9	33.8%	15.8%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,349	14.0	1.4	14.6%	7.2%
Lốp xe	8,800	11.3	3.0	25.5%	11.1%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,663	7.4	1.3	17.8%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	330	14.3	2.2	16.7%	10.4%
Đồ uống & giải khát	226	6.3	1.1	14.7%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	22,829	11.0	2.0	21.7%	7.4%
Thực phẩm	189,909	24.2	4.6	18.7%	14.5%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	71	20.0	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,118	8.6	1.5	19.8%	9.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	566	35.8	1.4	4.4%	3.0%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,724	8.8	1.7	19.7%	7.6%
Giày dép	9	1.3	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,485	10.9	2.0	18.3%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	703	10.1	1.1	-0.2%	4.3%

26 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,935	9.1	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	170	3.5	1.8	36.7%	16.6%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	218	9.3	1.3	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,798	12.6	2.8	22.4%	14.8%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	262	-	41.6	0.9	-2.0%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	760	10.6	1.3	13.8%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,047	10.5	1.8	18.5%	3.6%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,136	9.3	1.0	10.7%	6.9%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,641	55.3	2.4	4.0%	2.3%
Dịch vụ giải trí	4,056	20.4	1.4	10.8%	8.8%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,719	18.3	3.5	23.4%	20.2%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	761	11.3	0.9	8.9%	3.3%
Internet	370	78.0	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,231	10.3	2.2	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	462	15.8	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	300	5.7	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	12,419	33.1	6.3	33.3%	11.2%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,588	9.9	1.4	15.6%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	193,385	15.8	5.1	32.4%	22.0%
Nước	1,253	6.7	1.1	17.0%	11.6%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,476	8.8	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,890	11.7	0.8	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,818	8.8	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,382	20.2	2.1	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,822	16.2	1.0	5.3%	1.6%
Môi giới chứng khoán	28,390	12.1	1.6	11.2%	7.7%
Ngân hàng					
Ngân hàng	236,271	11.2	1.2	10.3%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	171,127	16.8	2.8	18.6%	4.7%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	46,165	10.4	2.2	21.9%	9.2%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.